TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 31/10/2019

V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền;

Các Thẩm phán: - Ông Huỳnh Văn Ngoan;

- Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Giang, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông Huỳnh Văn Hoàng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2019/TLPT-HNGĐ ngày 01-10-2019 về tranh chấp: *"*Xin ly hôn*"*.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 61/2019/HNGĐ-ST ngày 20-6-2019 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 332/2019/QĐ-PT ngày 07/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1978; (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Thái Thị Thùy L, sinh năm 1981; (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**. Người kháng cáo:* Bị đơn anh Lê Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm,

**. Nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày:*

Anh và chị Thái Thị Thùy L về chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1997. Đến ngày 12-7-2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L sử dụng bùa, ngãi để nói

cho anh nghe, anh có khuyên nhiều lần nhưng chị L vẫn tiếp tục sử dụng. Ngoài ra, chị L còn ngoại tình với người đàn ông khác tên S bị anh chị của anh bắt gặp. Anh đã về nhà cha mẹ ruột của anh ở khoảng 06 tháng trở lại đây.

Do đó, nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị L.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lê Văn K, sinh năm 1999 và Lê Văn B, sinh ngày 07-8-2001. Hiện cháu K và cháu B đang sống với chị L. Sau khi ly hôn, do cháu K đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu B anh đồng ý để chị L tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu B, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi B đủ 18 tuổi, lao động được.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**. Bị đơn chị Thái Thị Thùy L trình bày:*

Chị thống nhất về thời điểm chung sống vợ chồng, kết hôn, con chung như anh T trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vào năm 2017 anh T có qua lại với người phụ nữ khác nên chị có đi xem bói để xem có hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng hay không. Chị bắt gặp người phụ nữ đó gọi điện thoại cho anh T nên chị gọi điện thoại lại, nhưng người đó không nghe. Từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nếu anh T không qua lại với người phụ nữ đó thì vợ chồng sẽ không phát sinh mâu thuẫn. Đối với anh S là bạn bè chòm xóm, chị có đi uống nước chung với anh S thì anh em của anh T đi ngang thấy kêu chị về, sự việc xảy ra với anh S cách nay đã 05 năm. Nay chị còn thương chồng, thương con, muốn con có cha để dạy dỗ nên không đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Nếu trường hợp Tòa cho ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi con chung là cháu B, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Do chị không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 61/2019/HNGĐ-ST ngày 20-6-2019 của Tòa án nhân dân huyện Cquyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T xin ly hôn với chị Thái Thị Thùy L.

2. Về án phí: Anh Lê Văn T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 16601 ngày 12-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên xem như anh T đã thi hành xong án phí.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/7/2019, nguyên đơn anh Lê Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm cho anh được ly hôn với chị Thái Thị Thùy L.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: nguyên nhân anh T nêu ra để xin ly hôn là không có căn cứ, vợ chồng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng không thể hạn gắn được. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn anh Lê Văn T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là xin ly hôn là có căn cứ đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về thủ tục tố tụng: án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn anh Lê Văn T với bị đơn chị Thái Thị Thùy L là đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của anh Lê Văn T đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo nguyên đơn anh Lê Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm cho anh được ly hôn với chị Thái Thị Thùy L.

Nguyên nhân mâu thuẫn để anh T xin ly hôn: anh T thừa nhận việc chị L và anh S qua lại với nhau cách nay đã 05 năm, anh không phải là người trực tiếp bắt gặp mà do người thân của anh nhìn thấy, phía chị L thì cho rằng chị và anh S chỉ đi uống nước chung, có quan hệ bạn bè với nhau. Anh T không có chứng cứ gì khác để chứng minh chị L vi phạm nghĩa vụ chung thủy. Thời gian xảy ra đã lâu, nay

anh T lại dựa vào lý do này để yêu cầu ly hôn là không có căn cứ. Ngoài ra, việc anh T cho rằng chị L sử dụng bùa, ngãi nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng không được chị L thừa nhận, chị L chỉ thừa nhận có đi xem bói, từ việc này anh T cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị L chưa đến mức trầm trọng, không thể không hàn gắn được, các mâu thuẫn trên chỉ là mâu thuẫn bình thường trong cuộc sống vợ chồng.

Ngoài ra theo biên bản xác minh tại địa phương xác định anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, do đó việc chị L trình bày vì anh T có quan hệ với người phụ nữ khác nên mới phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc anh T không thừa nhận có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng đã được chính quyền địa phương nơi anh T xác nhận là có, việc vi phạm về chế độ hôn nhân phát sinh từ anh T nhưng anh T lại yêu cầu ly hôn lại càng không thỏa đáng. Do đó, án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T là có căn cứ.

Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Anh T kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

[5] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên anh T phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lê Văn T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 61/2019/HNGĐ-ST ngày 20-6-2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T xin ly hôn với chị Thái Thị Thùy L.

2. Về án phí: Anh Lê Văn T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 16601 ngày 12-4-2019, số 16865 ngày 03/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như anh T đã thi hành xong án phí.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
-UBND xã C, huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV &THA (TAT);
Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Ngọc Tuyền